

1. Bối cảnh quốc tế tác động đến hội nhập

Sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới kinh tế và chủ trương tăng cường mở rộng kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và hơn 11 năm kiên trì đàm phán đa phương và song phương nhằm đưa nước ta trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới (WTO), quá trình đó diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động đáng chú ý:

- Khoa học công nghệ phát triển vô cùng nhanh chóng đã tác động mạnh mẽ tới sản xuất và đời sống như các lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ thông tin mà nguồn gốc sâu xa của nó là sự phát triển vượt bậc trong tư duy của con người với giới tự nhiên.

- Cơ cấu kinh tế biến đổi nhanh, kinh tế dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản phẩm quốc dân, nhất là ở các nước phát triển đã làm thay đổi cơ cấu lao động và do đó là sự thay đổi tư duy kinh tế và giáo dục toàn cầu và ở mỗi quốc gia.

- Xu hướng toàn cầu hóa và toàn cầu hóa kinh tế diễn ra nhanh, sự tự do kinh tế, tài chính, thương mại và sự luân chuyển các yếu tố sản xuất từ nước này sang nước khác đang diễn ra nhanh trên phạm vi thế giới đã kéo theo quá trình đàm phán song phương và đa phương phát triển, các hiệp định mậu dịch và các liên kết kinh tế phát triển cả bề rộng và chiều sâu.

- Xã hội hậu công nghiệp, siêu tiêu thụ có tính phổ cập ở các nước phát triển, kinh tế tri thức-kinh tế dịch vụ ở trình độ cao đang lộ rõ quá trình hình thành một cách nhanh chóng làm thay đổi căn bản tư duy phát triển như: khai thác lợi thế so sánh, lựa chọn mô hình phát triển, thúc đẩy phát triển, cân bằng môi trường sinh thái...

- Thế giới đa cực, công khai hóa về thông tin, quản lý phi tập

Những thách thức cần vượt qua sau một năm Việt Nam chính thức là thành viên WTO

PGS.TS. VŨ ANH TUẤN

trung hình thành đó là thế giới hòa bình hợp tác trong cạnh tranh, thế giới tương tác lẫn nhau trong một thể chế chung của nhân loại.

2. Những dấu mốc của hội nhập

Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) đi vào lịch sử sau 48 năm hoạt động để nhường chỗ cho WTO có hiệu lực từ 01.01.1995, WTO - một tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu, một định chế thương mại lấy tự do hóa làm động lực mà bất kỳ quốc gia nào cũng mong muốn trở thành thành viên chính thức.

Ngày 07.11.2006 VN chính thức bước vào "sân chơi" mới trong bối cảnh thế giới đầy biến động. Có thể ghi nhận những dấu mốc quan trọng trong quan hệ quốc tế của nước ta như sau:

- Sau nhiều năm kiên trì đấu tranh trên tất cả các mặt trận, nhất là ngoại giao, tháng 2.1994 Mỹ đã bãi bỏ lệnh cấm vận kinh tế với VN.

- Năm 1995 Mỹ bình thường hóa quan hệ với chúng ta, đây là dấu mốc quan trọng trong đời sống chính trị và kinh tế đã mở ra trang mới cho quá trình hội nhập quốc tế của chúng ta.

- Tháng 7.1995 chúng ta gia nhập vào Hiệp hội các nước Đông Nam Á và tham gia vào khu vực mậu dịch tự do ASEAN.

- Sau 5 năm đàm phán Hiệp định thương mại VN-Mỹ được ký kết vào năm 2000.

- Với nhiều hoạt động đối ngoại quan trọng khác như tổ chức

thành công các Hội nghị ASEAN, APEC...

- Và ngày 7 tháng 11 năm 2006 được kết nạp vào WTO với tư cách thành viên chính thức thứ 150 của tổ chức này.

Bên cạnh những thành tựu nổi bật của 20 năm đổi mới nói chung như kinh tế tăng trưởng nhanh, bình quân từ 1,5 đến 2 lần bình quân của thế giới, xóa đói giảm nghèo và các thành tựu xã hội... cần nhận thấy những tác động tích cực, nhiều mặt của việc chúng ta gia nhập WTO sau một năm qua:

- Do sự minh bạch và công khai khóa về thông tin của WTO đã tạo ra môi trường kinh tế xã hội, môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, tạo cơ hội thu hút đầu tư, tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

- Thông qua các cam kết và thực hiện mở cửa, hội nhập kinh tế đã tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong tất cả các thành phần kinh tế cả trong và ngoài nước do đó đầu tư tăng nhanh, tăng trưởng kinh tế cao, nhiều vấn đề xã hội từng bước được giải quyết.

- Tạo áp lực đổi mới tư duy kinh tế theo hướng thị trường, đòi hỏi bức xúc phải xóa bỏ nhanh chóng và triệt để tư duy bao cấp đồng thời tạo ra nhiều chuẩn mực mới trong kinh doanh, đánh giá sức mạnh của nền kinh tế như sức cạnh tranh, mức độ tự do hóa, tự do hóa và bảo hộ, văn hóa kinh doanh... và nhất là

quyền sở hữu trí tuệ.

- Áp lực của thị trường quốc tế ngày càng mạnh, các thị trường tài chính, tiền tệ, vốn đầu tư, sản phẩm công nghệ cao, dầu mỏ... và cả giáo dục đào tạo tác động ngày càng mạnh với dung lượng lớn, cường độ mạnh, biến đổi khi theo qui luật, lúc bất thường đến nền kinh tế nước ta, buộc chúng ta phải không ngừng đổi mới và thích nghi một cách kịp thời.

Những tác động trên như một luồng gió mới làm thay đổi nhanh chóng diện mạo và tư duy của nền kinh tế trên nhiều mặt, tuy nhiên với việc gia nhập WTO một năm qua cũng cho thấy chúng ta đang đứng trước nhiều trở ngại, thách thức cả cũ và mới đòi hỏi phải nỗ lực vượt qua.

3. Những rào cản cần vượt qua trong hội nhập

Trên cơ sở các định chế, qui tắc của WTO, để hội nhập thành công đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực đẩy mạnh nghiên cứu nắm vững các qui tắc hội nhập, các rào cản phải vượt qua, nhất là các rào cản kinh tế và phi kinh tế, các qui tắc chung của thị trường và các đối tác trên thị trường.

Về cơ bản VN cần phải tăng cường quan tâm và vượt qua những thách thức và rào cản trong thương mại quốc tế mà các bên đặt ra, về cơ bản có thể hình dung quan hệ kinh tế quốc tế ngày nay cần phải vượt qua hai loại rào cản: rào cản kinh tế (thuế quan) và phi thuế quan (hành chính, kỹ thuật).

3.1. Rào cản thuế quan là rào cản truyền thống, phổ biến nhất trong thương mại quốc tế bao gồm thuế %, thuế phi %, thuế đặc thù, tối huệ quốc, phi tối huệ quốc, ưu đãi phổ cập... nhìn chung qui tắc cơ bản của WTO là hướng tới và thực hiện cắt giảm dần mức quan thuế, tức tăng dần sự tự do hóa kinh tế, điều này một mặt tạo thuận lợi cho chúng ta nhưng cũng nảy sinh

không ít khó khăn cho chúng ta vì sức sản xuất, năng suất lao động của ta còn thấp, do đó giá thành sản phẩm cao, sức cạnh tranh bị hạn chế. Muốn vượt qua loại rào cản này VN cần không ngừng hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mới đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

3.2. Rào cản phi thuế quan là rào cản không dùng thuế quan mà chủ yếu sử dụng các biện pháp hành chính, kỹ thuật để phân biệt, đối xử để bảo vệ sản xuất nội địa như: rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế (TBT-Agreement on technical barriers to trade) hiệp định này được xây dựng nhằm thúc đẩy các mục tiêu của hiệp định chung về thương mại và thuế quan; các biện pháp bảo vệ sinh động thực vật; các qui định về sở hữu trí tuệ, bảo vệ môi trường, hạn ngạch xuất nhập khẩu... các nước công nghiệp thường đưa ra lý do rằng nhằm bảo vệ sự an toàn và lợi ích của người tiêu dùng và môi trường xã hội. Muốn vượt qua rào cản này cần từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước theo hướng phù hợp với các qui định chung của hiệp định WTO và công pháp quốc tế.

Kinh nghiệm chung cho thấy hầu hết các nước sau khi gia nhập WTO đều từng bước thực hiện đúng lộ trình đã cam kết:

- Trung Quốc kể từ năm 2001 đến nay đã từng bước cắt giảm thuế quan nói chung; thực hiện đầy đủ các thỏa thuận định giá hải quan; công bố biểu thuế xuất nhập khẩu mới và sử dụng linh hoạt các điều tiết của nhà nước như ngoại hối, dầu tư, thương mại, các biện pháp kỹ thuật khác, các đối sách hội nhập để quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Còn Chính phủ Thái Lan thì luôn tìm cách đáp ứng các yêu cầu và các biện pháp kỹ thuật có tính rào cản của các nước nhập khẩu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu; họ quan

tâm nhiều và luôn tìm cách đối phó với các rào cản chống trợ cấp Chính phủ, chống bán phá giá, an toàn sinh học cho hàng hóa nhập khẩu...

Câu hỏi đặt ra là trong khi chúng ta đã là thành viên chính thức của WTO, nhiều hiệp định thương mại song phương và đa phương đã được ký kết, cơ hội thương mại rộng mở nhưng với hơn 300.000 doanh nghiệp hiện nay, có bao nhiêu doanh nghiệp có đủ điều kiện và năng lực tham gia vào nền kinh tế toàn cầu? Những vấn đề đặt ra có tính thách thức như: năng lực nguồn nhân lực; khả năng tài chính; thị trường, thương hiệu... và chứng chỉ ISO là những cản trở không nhỏ cho sự hội nhập. Hiện nay chỉ khoảng 2% số doanh nghiệp có chứng chỉ ISO, một con số thật quá khiêm nhường và điều đáng nói là nhiều doanh nghiệp hàng đầu, trường đại học hàng đầu vẫn chưa quan tâm tới vấn đề này bởi họ vẫn còn ung dung với cơ chế bao cấp và sống dựa trên thương hiệu có sẵn. Trong khi chúng ta biết, mặc dù thuế giảm nhưng hàng hóa muốn vào được các thị trường lớn phải vượt qua các qui định khác như chứng chỉ ISO9000, ISO14000, SA8000... do vậy cần phải thay đổi căn bản tư duy về thị trường, về công tác cán bộ theo hướng đổi mới không ngừng, thích nghi thường xuyên với những biến động mau lẹ của nền kinh tế thế giới.

Có thể hình dung các rào cản trong thương mại quốc tế mà VN đang phải đối phó, nhất là đối với ba thị trường lớn nhất như: thị trường Mỹ; thị trường EU và thị trường Nhật Bản, đặc biệt đối với thị trường Mỹ.

Mỹ là thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới với kim ngạch nhập khẩu hàng hóa hàng năm khoảng 1.526 triệu USD. Tuy nhiên, các doanh nghiệp xuất khẩu VN đã liên tiếp gặp phải những khó khăn như: kiện bán phá giá cá basa, tôm, áp dụng hạn ngạch đối với dệt may,

tiền đặt cọc... vì các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vào thị trường này thường gặp phải hệ thống rào cản thương mại mà Mỹ áp dụng như:

Hàng rào thuế quan: hệ thống thuế quan của Mỹ là Biểu thuế quan hài hòa của Mỹ (Harmonized Tariff Schedule - HTS). Biểu thuế quan hài hòa của Mỹ bao gồm những mức thuế khác nhau cho các quốc gia có PNTR và những quốc gia không có PNTR.

Năm 2006, Mỹ đã chính thức thông qua PNTR dành cho VN, những hàng hoá xuất khẩu của VN vào thị trường Mỹ ít có nguy cơ bị vấp phải nhiều rào cản thuế quan và phi thuế quan hơn trước đây. Tuy nhiên bên cạnh chế độ thuế quan theo HTS, Hải quan Mỹ còn áp dụng loại thuế thứ hai là các loại thuế không quy định trong biểu thuế mà chỉ đưa ra trong trường hợp nhằm thực hiện Luật chế tài thương mại Mỹ, trong đó phổ biến nhất là Luật thuế đối kháng (CVD) và Luật thuế chống phá giá (AD).

Hàng rào phi thuế quan: để bảo hộ sản xuất nội địa để giữ được công ăn việc làm và ổn định xã hội luôn nằm trong những mục tiêu hàng đầu của chính quyền Mỹ, theo đó họ kiểm soát nhập khẩu chủ yếu qua tác động tới lượng và giá là hai đặc điểm chính trong chính sách của Mỹ. Có thể hình dung những quan tâm của họ qua các khía cạnh: Nhân hiệu thương mại, Bản quyền, Quy định về xuất xứ hàng nhập khẩu vào Mỹ, Quy chế giám sát hàng nhập khẩu, Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, Hàng rào tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ. Trên thực tế, VN cũng như nhiều nước đang phát triển khác ngày càng phải đối đầu với những yêu cầu ngày càng khắt khe về mặt môi trường của các nước phát triển.

Trong quan hệ thương mại với VN, chắc chắn rằng các nước sẽ không ngừng sử dụng các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh môi

trường như những rào cản để bảo hộ sản phẩm trong nước mà không trái với Luật pháp và quy ước quốc tế. Vì thế sân chơi thương trường còn rộng hơn nhiều so với những rào cản và thách thức mà chúng ta cần phải chủ động vượt qua.

3.3. Những vấn đề cần giải quyết để vượt qua rào cản

- Do nhận thức về rào cản và tác động của rào cản thương mại trong hội nhập kinh tế quốc tế còn chưa đầy đủ; thông tin diễn biến và dự báo về các loại rào cản còn chưa kịp thời và thiếu chính xác. Muốn vượt qua được rào cản thì trước tiên các doanh nghiệp phải có được các thông tin chính xác về rào cản, mức độ áp dụng và ảnh hưởng của nó để vượt qua.

- Mặc dù VN đã là thành viên của WTO, các tranh chấp thương mại xảy ra sẽ được giải quyết dựa theo các quy định của tổ chức này nhưng chúng ta chưa được công nhận là nền kinh tế thị trường nên các vụ tranh chấp về bán phá giá và trợ cấp thì các nước luôn yêu cầu phải lấy số liệu so sánh ở một nước thứ 3 là nước được công nhận có nền kinh tế thị trường. Nhưng VN với những Hiệp định công nhận lẫn nhau về kiểm tra và quản lý chất lượng hàng hóa còn ít...do vậy cần phấn đấu để VN sớm được công nhận là nền kinh tế thị trường.

- Sức cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm nhìn chung đều kém hơn so với các nước trong khu vực. Muốn xuất khẩu hàng hóa ra thị trường nước ngoài phải nâng cao năng lực quản lý, trình độ sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa VN, có như vậy mới tạo điều kiện vững chắc để vượt qua rào cản.

- Các cơ quan quản lý nhà nước, các Hiệp hội doanh nghiệp và bản thân các doanh nghiệp cần có các tổ chức tư vấn giỏi khi giải quyết các vụ tranh chấp thương mại quốc tế, các vụ kiện chống bán phá giá...

- Hàng rào về tiêu chuẩn chất lượng và kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường, về vệ sinh an toàn thực phẩm, về bệnh dịch động thực vật và về an sinh xã hội của các nước nhập khẩu không chỉ đòi hỏi cao ở mức độ đáp ứng mà còn hết sức phức tạp về thủ tục hành chính. Để xuất khẩu được hàng hóa vào thị trường các nước công nghiệp phát triển, hàng hóa của VN phải được giám định và có chứng chỉ giám định.

- Các quy định về kê khai và làm thủ tục hải quan rất tỉ mỉ, chi tiết về xuất xứ hàng hóa, ký mã hiệu, nhãn mác, bao bì, cách ghi trên bao bì và hóa đơn thương mại... Để giải quyết được vấn đề này thì cần thiết phải có nhiều tài liệu chuyên khảo được thể hiện bằng các ngôn ngữ mang tính chất hướng dẫn nghiệp vụ cho các doanh nghiệp.

- Phần lớn các hiệp hội doanh nghiệp VN còn yếu kém cả về tính tổ chức, tiềm lực tài chính và năng lực chuyên môn. Vì vậy cần xây dựng, củng cố và nâng cao vai trò của các hiệp hội.

- Sức ép về hội nhập, về tự do hóa thương mại và mở cửa thị trường đang ngày càng gia tăng mạnh mẽ nhưng các doanh nghiệp còn thụ động và chưa nhận thức đầy đủ rằng hội nhập không chỉ là cạnh tranh mà còn là hợp tác, liên kết nên Nhà nước cần có chính sách và giải pháp hợp lý giúp doanh nghiệp chủ động có chiến lược đối phó với các rào cản thương mại đang ngày càng phức tạp và tinh vi.

- Hệ thống pháp luật của VN còn thiếu và hiệu lực thực thi pháp luật chưa cao. Tình trạng sao chép, vi phạm bản quyền về kiểu dáng công nghiệp diễn ra khá phổ biến cũng dễ dẫn tới hậu quả là các nước nhập khẩu sẽ tịch thu hoặc xử phạt về kinh tế đối với doanh nghiệp VN. Bởi vậy cần tuân thủ công ước về bản quyền và sở hữu trí tuệ.

(Xem tiếp trang 41)

ngành kinh tế mũi nhọn. Trong đó, cách chính sách quan trọng như: tiền lương, tiền thưởng; chính sách nhà ở; chính sách đào tạo năng cao, bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật ở trong và ngoài nước.

Về chế độ tiền lương, nên kết hợp chặt chẽ ba yếu tố: chức vụ, trình độ chuyên môn và thời gian làm việc, trong đó đặc biệt chú ý đến tiêu chuẩn thời gian làm việc cho doanh nghiệp. Chế độ lương này sẽ hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng người lao động tự ý chuyển từ nơi này đến nơi khác gây bất ổn cho kế hoạch và năng suất của doanh nghiệp.

Nếu không sớm cải cách chế độ tiền lương, tiền công cho lao động, đặc biệt là lao động thuộc nhóm nghề nghiệp chuyên môn kỹ thuật bậc cao, cũng như các chính sách khuyến khích, đãi ngộ khác có liên quan về điều kiện cư trú, điều kiện ở, làm việc, về tâm lý... thì không thể tạo được môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi để thu hút và tuyển dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH - HĐH TP.HCM trong giai đoạn mới.

- Xúc tiến thành lập và củng cố các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... tập hợp vận động và giáo dục công nhân để học tự quản và để dễ dàng phổ biến đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, từng bước tiến tới xóa bỏ tình trạng "mù" luật, mù thông tin; mục đích cuối cùng là để nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của giai cấp công nhân, mặt khác cũng giúp họ bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của mình.

Vấn đề là không phải chúng ta chỉ có nhiệm vụ chuẩn bị lực lượng để làm việc, mà thực tế chúng ta phải chuẩn bị lực lượng lao động đủ mạnh, đủ hấp dẫn để thu hút đầu tư nước ngoài trong tình hình cạnh tranh quyết liệt của các nước trong khu vực, chúng ta phải chuẩn bị một lực lượng lao động có trình độ, có tay nghề từ nguồn lao động của một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, đặc biệt là khi chúng ta gia nhập WTO và thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành nghề trong KCX - KCN nhằm phục vụ CNH - HĐH đất nước ■

(Tiếp theo trang 21)

Những thách thức ...

Trong thời gian tới, để vượt qua rào cản thương mại trong hội nhập kinh tế quốc tế cần tăng cường công tác thông tin, phổ biến pháp luật và chính sách thương mại của các nước; chủ động và sẵn sàng đối phó với các rào cản về chống bán phá giá; có cơ chế giám sát xuất khẩu; thực hiện đúng các cam kết WTO, các chương trình và kế hoạch hành động về nâng cao sức cạnh tranh, về tiêu chuẩn kỹ thuật và vệ sinh an toàn thực phẩm của thị trường nhập khẩu; hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng nhãn mào sinh thái để đối phó và vượt qua các rào cản môi trường; nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước về các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ nhằm giúp cho doanh nghiệp vượt qua các rào cản về sở hữu trí tuệ.

Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng: nâng cao năng lực thu thập và xử lý thông tin, sẵn sàng khởi kiện và

kháng kiện; điều hòa quy mô sản xuất và xuất khẩu, giá cả và chất lượng sản phẩm để hạn chế các nguy cơ gặp phải các vụ kiện chống bán phá giá; nâng cao năng lực hoạt động của các Hiệp hội ngành hàng thông qua việc tăng cường nguồn nhân lực có trình độ cao về pháp luật quốc tế và kinh doanh quốc tế; tuyển chọn và cho phép các tổ chức tư vấn pháp luật được tham gia vào chương trình phổ biến pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế.

Và hơn nữa, 17 trường hợp điển cứu từ các nền kinh tế trong việc xử lý những thách thức khi gia nhập WTO trong cuốn sách "Giải quyết những thách thức khi gia nhập WTO-các trường hợp điển cứu" do Nhà xuất bản Trẻ ấn hành là những kinh nghiệm cần thiết, quý giá cho VN trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tóm lại, các loại rào cản đều có xu hướng hạ thấp, trong quá trình đó đồng thời có cả cơ hội và thách thức. Quốc gia nào nhận thức đúng, đầy đủ, có sự chuẩn bị tốt và

hành động phù hợp chắc chắn sẽ thành công cao và ngược lại ■

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Khương Bình (2006), WTO với doanh nghiệp VN - Những thách thức hậu gia nhập WTO, NXB Lao động.
2. Ủy ban Thương mại Quốc gia Thụy Điển (2005), Tác động của các Hiệp định WTO đối với các nước đang phát triển, Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế - www.nciec.gov.vn
3. Nguyễn Văn Thường (2005), Tăng trưởng kinh tế VN: những rào cản cần phải vượt qua, NXB Lý luận chính trị.
4. Viện nghiên cứu thương mại (2004), Các quy định về môi trường của Liên minh Châu Âu đối với nhập khẩu hàng nông thủy sản và khả năng đáp ứng của VN, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. PGS.TS Phan Thanh Phổ (2005), VN với tiến trình gia nhập tổ chức thương mại thế giới, NXB CTQG.
6. PGS.TS Vũ Anh Tuấn (2006), Phát triển thị trường khoa học công nghệ ở TP.HCM, NXB Thống kê.
7. Nhà xuất bản Trẻ (2007) Giải quyết những thách thức khi gia nhập WTO-các trường hợp điển cứu.
8. Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới (2005), Toàn cầu hóa, chuyển đổi và phát triển tiếp cận đa chiều, NXB Thế giới.
9. Bộ Thương mại (2007), các bài viết và số liệu đến tháng 6/2007 trên Website www.mot.gov.vn
10. TBT VN - Văn phòng thông báo và điểm hỏi đáp về tiêu chuẩn đo lường chất lượng (2007), các bài viết và số liệu đến tháng 6/2007 trên Website www.tbtvn.org
11. Đại sứ quán Mỹ, các bài viết và số liệu đến tháng 6/2007 trên Website vietnamese.vietnam.usembassy.gov
12. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương - Cổng thông tin kinh tế VN (2007), www.vnep.org.vn
13. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa VN (2004), Luật Cạnh tranh, Hà Nội.
14. Brink Lindsay (2002), The U.S Antidumping Law - Rhetoric versus Reality, Trade Policy Analysis, Cato Institute.